

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 19-4-2023

V/v “Xin ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đầu**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nhâm Đức Hùng** và Bà **Danh Mỹ H**

- Thư ký phiên Tòa: Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Lê Quốc Thái** – Kiểm Sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 605/2022/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2022, về việc “Xin ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Thị H**, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: ấp MH, xã MH, huyện CT, tỉnh KG.

Bị đơn: Anh **Danh T**, sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp MH, xã MH, huyện CT, tỉnh KG.

(Anh T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn chị Thị H trình bày:* Vào năm 2006 chị H và anh Danh T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng đến năm 2011 chị với anh T mới đến Ủy ban nhân dân xã Minh Hoà, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang để đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống chị với anh T có với nhau 02 người con chung là cháu Thị T, sinh ngày 05/05/2017 và cháu Thị T1, sinh ngày 11/4/2009. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân của chị và anh T rất hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì giữa chị và anh T bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên nhậu nhẹt và có hành vi đánh đập chị và các con nên chị

đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân với anh T từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn H phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên tại phiên tòa chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị các vấn đề như sau:

- Về hôn nhân: Chị H xin được ly hôn với anh Danh T.

- Về việc nuôi con chung: Chị H xin được nuôi cháu Thị T2, sinh ngày 05/05/2007 và cháu Thị T1, sinh ngày 11/4/2009, không yêu cầu anh Danh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Danh T*: Trong quá trình giải quyết vụ án anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án. Nhưng qua thời gian luật định anh T vẫn không có văn bản tự khai và cũng không có ý kiến gì gởi đến Tòa án. Sau đó, Tòa án tiếp tục tổng đạt cũng như niêm yết nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thị H, cho chị H được ly hôn với anh Danh T.

- Về con chung: Giao cháu Thị T2, sinh ngày 05/05/2007 và cháu Thị T1, sinh ngày 11/4/2009 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bởi vì kể từ sau khi chị H và anh Giảng ly thân thì chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu. Do đó, để không làm thay đổi môi trường sinh sống của 02 cháu nên cần thiết giao cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định là không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị H thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn chị Thị H yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Danh T và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Thị T2, sinh ngày 05/05/2007 và cháu Thị T1, sinh ngày 11/4/2009, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là “Xin ly hôn và nuôi con chung”.

[3] - Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn anh Danh T đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt xét xử hợp lệ, đúng theo quy định pháp luật nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị H thống nhất yêu cầu xét xử vắng mặt anh T. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

[4] - Về nội dung: Chị Thị H và anh Danh T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã MH, huyện CT, tỉnh KG cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị H yêu cầu ly hôn với anh T: HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án chị H xác nhận, sau khi kết hôn thì giữa chị và anh T chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì giữa chị và anh T hay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên rượu chè về đánh đập chị và các con, không lo làm ăn nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Đối với anh T mặc dù Tòa án đã nhiều lần tổng đạt thông báo hòa giải để mở phiên hòa giải nhằm mục đích động viên chị H và anh có cơ hội hàn gắn đoàn tụ nhưng anh T vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để anh T có mặt tham gia phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt, chứng tỏ anh T không muốn gặp mặt để hòa giải đoàn tụ với chị H. Tại phiên tòa, chị H một mực cương quyết xin được ly hôn với anh T và trên thực tế anh chị đã ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn về hôn nhân giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài. Do đó, xét thấy việc chị H xin được ly hôn đối với anh T là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thị H.

[5] Về con chung: Chị H xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 người con chung là cháu Thị T2, sinh ngày 05/05/2007 và cháu Thị T1, sinh ngày 11/4/2009, hiện đang sống cùng chị H. Nay chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. HĐXX nhận thấy kể từ sau khi 02 vợ chồng ly thân cho đến nay chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2, cháu T1 và chị vẫn chăm sóc tốt cho 02 cháu nên HĐXX giao cháu Thị T2 và cháu Thị T1 cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sinh sống của hai cháu là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của hai cháu.

Anh Danh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về việc cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] - Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T đúng theo quy định pháp luật nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung cũng như nợ chung giữa chị H và anh T được. Hơn nữa tại phiên tòa chị H khẳng định vợ chồng chị không tạo lập được tài sản gì chung và cũng không có nợ gì ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, về phần tài sản chung và nợ chung HĐXX không xem xét nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[7] - Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] - Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc chị Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí nhưng chị H được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005245 ngày 21/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 02, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Thị H đối với bị đơn anh Danh T.

01. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Thị H được ly hôn với bị đơn anh Danh T.

02. Về quan hệ con chung: Giao cháu Thị T2, sinh ngày 05/05/2007 và cháu Thị T1, sinh ngày 11/4/2009 cho chị Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Danh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

03. Về tài sản chung: Chị Thị H xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

04. Về nợ chung: Chị Thị H xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

05. Về án phí: Chị Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005245 ngày 21/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

06. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Minh Hoà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Tấn Đầu